

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----***----

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

PHỤ GIA THỰC PHẨM – CHẾ PHẨM TINH BỘT:
TINH BỘT ACETAT PREGEL
(TINH BỘT BIẾN TÍNH BS HỒ HÓA)

TCCS 59/VDN/2023

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 59/VDN/2023

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. **Tên sản phẩm:** Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột: Tinh bột Acetat Pregel (Tinh bột biến tính BS hồ hóa)

2. **Thành phần định lượng:** Starch Acetate (INS 1420) hồ hóa: 100%.

3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì**

a) **Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):**

Tên sản phẩm	Ký hiệu sản phẩm	Quy cách bao gói (kg/bao)
PHỤ GIA THỰC PHẨM – CHẾ PHẨM TINH BỘT: TINH BỘT ACETAT PREGEL (TINH BỘT BIẾN TÍNH BS HỒ HÓA)	BSX – 8850VPG	20 kg và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng
	BSF – 7611APG	
	BSF – 7611VPG	
	BSM – 7613APG	
	BSX – 8815APG	
	BSX – 8850APG	

b) **Chất liệu bao bì:** Bao giấy, bao giấy có lồng bao PE, bao giấy có tráng lớp LDPE lớp trong cùng, hoặc theo yêu cầu khách hàng.

5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm**

Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ Phần Hữu Hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm “Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột: Tinh bột Acetat Pregel (Tinh bột biến tính BS hồ hóa)” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 4-18:2011/BYT về Phụ gia thực phẩm – Chế phẩm tinh bột.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC





VEDAN



Phụ Gia Thực Phẩm - Chế Phẩm Tinh Bột
TINH BỘT ACETAT PREGEL
(TINH BỘT BIẾN TÍNH BS HỒ HÓA)
Dùng cho thực phẩm

Ký Hiệu Sản Phẩm:

Khối lượng tịnh: 20 kg

Thành phần định lượng:

Starch acetate (INS 1420) hồ hóa: 100%.

Hướng dẫn sử dụng:

Chức năng: Chất nhũ hóa, chất ổn định, chất làm dày.

Sử dụng cho chế biến thực phẩm.

Hàm lượng và đối tượng sử dụng phù hợp với Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30/08/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản trong bao bì kín, để ở nơi khô ráo, thoáng mát, có mái che.

Thông tin cảnh báo:

Không để gần với các chất dễ gây cháy, nổ, hóa chất độc hại.

Thời hạn sử dụng:

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX:

HSD:

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 02513825111 /**Free Hotline:** 1800599902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 59/VDN/2023

Được sự cho phép bởi:

VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITED

Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O. Box 2681 GT,
George Town, Grand Cayman, British West Indies.



KT3-06267BTP3/2-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/11/2023
Page 01/04

- Tên mẫu**
Name of sample : PHỤ GIA THỰC PHẨM - CHẾ PHẨM TINH BỘT: TINH BỘT ACETAT PREGEL (TINH BỘT BIẾN TÍNH BS HÒ HÓA)
LOT NO 23091910PG
- Mô tả mẫu**
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receiving : 24/10/2023
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 24/10/2023 – 02/11/2023
- Nơi gửi mẫu**
Customer : CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM
VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD
National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai village, Long Thành - Long Thanh District, Đồng Nai/ Dong Nai Province, Vietnam
- Kết quả thử nghiệm**
Test results : Xem trang / *See page* 02-04/04

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.vn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.vn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-06267BTP3/2-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/11/2023
 Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan/ <i>Sensory test</i> ^(*) - Trạng thái/ <i>State</i> - Màu sắc/ <i>Color</i> - Mùi / <i>Odor</i>	QTTN/KT3 234 : 2019		-	Dạng bột <i>Powder</i> Màu trắng <i>White</i> Không mùi <i>Odorless</i>
7.2. Độ ẩm, g/100 g <i>Moisture content</i>	QTTN/KT3 136 : 2016		-	5,63
7.3. pH dung dịch 3% <i>pH value of 3% solution</i>	TCVN 12348:2018		-	5,21
7.4. pH dung dịch 10% <i>pH value of 10% solution</i>	TCVN 12348:2018		-	5,18
7.5. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg <i>Sulfur dioxide content</i>	AOAC 2019 (990.28)		6,0	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.6. Phản ứng nhuộm màu iod <i>Iodine stain</i>	QCVN 4-18: 2011 /BYT		-	Có phản ứng nhuộm màu iod đặc trưng <i>Characteristic iodine stain</i>
7.7. Phản ứng khử đồng <i>Copper reduction</i>	QCVN 4-18: 2011 /BYT		-	Có phản ứng khử đồng đặc trưng <i>Characteristic copper reduction</i>
7.8. Hàm lượng béo tính theo khối lượng, % <i>Fat content (m/m)</i>	QTTN/KT3 139:2016 (Không thủy phân)		0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng protein tính theo khối lượng, % <i>Protein content (m/m)</i>	QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method		0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.10. Hàm lượng kim loại nặng qui ra chì ^(*) , mg/kg <i>Heavy metal content as lead</i>	FCC IV (p.760) - 1996	-		Nhỏ hơn 1 <i>Less than</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-06267BTP3/2-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

 14/11/2023
Page 03/04


7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.11. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg Aflatoxin B1 content	TCVN 7596 : 2007		0,75	Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B1 + B2 + G1 + G2), µg/kg Total aflatoxin content	TCVN 7596 : 2007		0,75	Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC (999.11)) QCVN 4-18: 2011 /BYT	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.15. Độ tan Solubility			-	- Tạo dung dịch keo nhớt trong nước lạnh/ Form viscous solution when adding in cold water - Không tan trong etanol/ Insoluble in ethanol - Tạo dung dịch keo nhớt trong nước nóng/ Form viscous solution when adding in hot water
7.16. Hàm lượng vinyl acetate ^(*) , µg/kg Vinyl acetate content	QCVN 4- 18:2011/BYT	10		Không phát hiện Not detected
7.17. Hàm lượng các nhóm acetyl (A)				N/A
7.18. Salmonella spp/ 25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện Not detected
7.19. Nhóm Bacillus cereus, MPN/g Bacillus cereus group	AOAC 2023 (980.31)	-		Nhỏ hơn $3^{(2)}$ Less than
7.20. Staphylococcus aureus, CFU/g	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn $10^{(1)}$ Less than
7.21. Clostridium perfringens, CFU/g	ISO 7937 : 2004	-		Nhỏ hơn $10^{(1)}$ Less than

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Lần sửa đổi: 1 BH15 (04/2020) M03VL - TTTN09

KT3-06267BTP3/2-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/11/2023
 Page 04/04

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.22. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g Total aerobic plate count	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		3,3 x 10 ²
7.23. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g Total yeasts & moulds	ISO 21527-2:2008	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.24. E.Coli, CFU/g	ISO 16649 - 2:2001	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.25. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than

Ghi chú/ Notes: Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

(A): Hiện nay Trung tâm Kỹ thuật 3 chưa có phương pháp thử phù hợp mẫu này.
 Quatest 3 does not have suitable test method for this sample.

(2): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 3 MPN/g khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp/ According to the test method, the result is expressed as less than 3 MPN/g when there is no positive tube in the three consecutive dilutions.



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số/No.: 48166/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 40216/PKN-VKNQG ngày 06 tháng 11 năm 2023
This report replaces for the test report No. 40216/PKN-VKNQG on November 06, 2023

1. Tên mẫu
Name of sample: Phụ gia thực phẩm - Chế phẩm tinh bột: Tinh bột Acetat Pregel
(Tinh bột biến tính BS hồ hóa)
2. Mã số mẫu/ Sample code: 102310667/DV.2
3. Mô tả mẫu
Sample description: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi, thông tin mẫu viết tay dán trên túi. Số lượng: 1.
Số lô: 23091910PG. NSX: Không có - HSD: Không có
Sample is put in a plastic bag, 300 g/bag, sample information is written and stuck on the bag. Quantity: 1.
Lot No.: 23091910PG. MFG: No information - EXP: No information.
4. Số lượng mẫu
Number of sample: 01 mẫu
01 sample
5. Thời gian lưu mẫu
Sample storage time: Không có mẫu lưu
No storage sample
6. Ngày nhận mẫu
Sample received date: 26/10/2023
7. Thời gian thử nghiệm
Testing time: 26/10/2023 - 06/11/2023
8. Nơi gửi mẫu
Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Địa chỉ: Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CO., LTD
Address: National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Commune,
Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam
9. Kết quả thử nghiệm
Test result(s) Các chỉ tiêu Hóa lý
Physicochemical tests

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.1*	Phản ứng đặc trưng đối với các nhóm Acetyl Characteristic reactions for Acetyl groups	-	QCVN 4-18-2011/BYT	Thực hiện phép thử, hơi acetone được hình thành tạo màu xanh trên mảnh giấy tẩm dung dịch bão hòa ortho-nitrobenzaldehyd When conducting the test, formed vapors produce a blue color on a paper strip soaked in a saturated solution of ortho-nitrobenzaldehyde

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.2	Thử dương tính đối với các nhóm Ester <i>Positive test for Ester groups</i>	-	QCVN 4-18-2011/BYT	Phổ hồng ngoại cho thấy dải hấp thụ ở khoảng 1.720 cm ⁻¹ <i>The infrared spectrum shows an absorption band at about 1,720 cm⁻¹</i>

Ghi chú: Thay đổi tên mẫu theo yêu cầu khách hàng

Note: Amendment of sample name according to customer request

Hà Nội, 26/12/2023

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
PP. DIRECTOR GENERAL
DEPUTY DIRECTOR



TS. Lê Thị Phương Thảo
Le Thi Phuong Thao, PhD.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.